

CÔNG TY TNHH MTV G.HOME
(NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME)
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 17 tháng 4 năm 2014
đã được kiểm toán

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	5 – 26
Bảng cân đối kế toán	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 26

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt may G.Home (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV G.Home cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 17 tháng 4 năm 2014 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty TNHH MTV G.Home được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2500395568 ngày 20 tháng 4 năm 2010, trong quá trình hoạt động các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần 01 đến lần 04 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 04 ngày 18 tháng 4 năm 2014 chuyển đổi tên từ Công ty TNHH MTV G.Home thành Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt may G.Home.

Vốn điều lệ tại thời điểm 17 tháng 4 năm 2014 của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 3 là **36.000.000.000** đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 17 tháng 4 năm 2014 bao gồm:

- Sản xuất bông tấm, chăn vi tính;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục), sản xuất đệm;
- Mua bán hàng may mặc, mua bán phụ liệu may mặc.

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động nào khác làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cấp phép.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 17 tháng 04 năm 2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 17 tháng 4 năm 2014 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 05 đến trang 26).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo Giấy đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 04 ngày 18 tháng 4 năm 2014 Công ty chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV G.Home thành Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt may G.Home và tăng vốn điều lệ từ 36.000.000.000 đồng lên 66.000.000.000 đồng.

Ngoài sự kiện nêu trên, Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 17 tháng 04 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH MTV G.HOME

Các thành viên của Hội đồng thành viên trong kỳ gồm:

Ông Nguyễn Hách	Chủ tịch
Ông Hoàng Xuân Viên	Ủy viên

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Các thành viên của Hội đồng quản trị từ khi chuyển sang Công ty Cổ phần đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Hách	Chủ tịch
Ông Nguyễn Sinh Quyền	Ủy viên
Bà Trần Thị Kiều Nga	Ủy viên

GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Sinh Quyền	Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Hương Huyền	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 21/8/2014
Bà Nguyễn Thị Sơn	Phụ trách kế toán	Miễn nhiệm ngày 21/8/2014

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 17 tháng 4 năm 2014.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 17 tháng 04 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 17 tháng 4 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vĩnh Phúc, ngày 12 tháng 11 năm 2014
Giám đốc

Nguyễn Sinh Quyền

Số :/2014/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV G.Home (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt may G.Home), được lập ngày 12 tháng 11 năm 2014, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 17 tháng 04 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 17 tháng 4 năm 2014 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV G.Home tại ngày 17 tháng 04 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 17 tháng 4 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 2014

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt
Giám đốc**

Kiểm toán viên

Bùi Ngọc Vương
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2013-152-1

Bùi Thị Ngọc Lan
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0300-2013-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 17 tháng 04 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	17/4/2014	01/01/2014
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		171.933.167.314	133.835.261.123
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	3.835.226.974	529.559.334
1.	Tiền	111		2.064.226.974	529.559.334
2.	Các khoản tương đương tiền	112		1.771.000.000	-
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		91.440.190.299	63.461.268.355
1.	Phải thu khách hàng	131		66.477.611.218	54.499.155.702
2.	Trả trước cho người bán	132		22.887.952.742	6.256.487.012
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.02	2.074.626.339	2.705.625.641
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		64.076.403.765	46.053.123.030
1.	Hàng tồn kho	141	V.03	64.076.403.765	46.053.123.030
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		12.581.346.276	23.791.310.404
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		270.471.532	119.609.159
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.278.270.481	85.956.719
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.04	10.032.604.263	23.585.744.526

CÔNG TY TNHH MTV G.HOME
(NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME)
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	17/4/2014	01/01/2014
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		73.335.320.909	67.731.514.298
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		65.942.717.399	64.885.613.414
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	61.856.868.021	61.812.300.650
	- Nguyên giá	222		77.882.291.615	75.541.999.615
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(16.025.423.594)	(13.729.698.965)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.06	28.455.175	33.476.678
	- Nguyên giá	228		48.554.000	48.554.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(20.098.825)	(15.077.322)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	4.057.394.203	3.039.836.086
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
1.	Nguyên giá	241		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		7.392.603.510	2.845.900.884
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	7.392.603.510	2.845.900.884
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		245.268.488.223	201.566.775.421

CÔNG TY TNHH MTV G.HOME
(NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME)
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	17/4/2014	01/01/2014
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		212.480.776.890	167.040.615.399
I.	Nợ ngắn hạn	310		163.641.931.307	124.047.442.865
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.09	74.917.227.710	69.967.552.935
2.	Phải trả người bán	312		38.874.690.061	37.440.117.631
3.	Người mua trả tiền trước	313		15.752.563.111	14.120.032.612
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	2.415.393.946	2.351.270.703
5.	Phải trả người lao động	315		547.673.168	-
6.	Chi phí phải trả	316	V.11	790.617.305	-
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	30.343.766.006	168.468.984
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		48.838.845.583	42.993.172.534
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.13	48.838.845.583	42.993.172.534
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		32.787.711.333	34.526.160.022
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.14	32.787.711.333	34.526.160.022
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		36.000.000.000	36.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(3.212.288.667)	(1.473.839.978)
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	432		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		245.268.488.223	201.566.775.421

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	17/4/2014	01/01/2014
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại			
	<i>USD</i>		25.848,05	7.489,90
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Vĩnh Phúc, ngày 12 tháng 11 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Sơn

Nguyễn Thị Hương Huyền

Nguyễn Sinh Quyền

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Từ 01/01/2014 đến 17/4/2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 17/4/2014
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	46.386.789.956
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		46.386.789.956
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	43.351.961.065
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.034.828.891
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	22.756.579
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	3.420.707.188
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.414.072.929
8.	Chi phí bán hàng	24		731.363.739
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		630.560.054
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.725.045.511)
11.	Thu nhập khác	31		198.999
12.	Chi phí khác	32		13.602.177
13.	Lợi nhuận khác	40		(13.403.178)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1.738.448.689)
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(1.738.448.689)

Vĩnh Phúc, ngày 12 tháng 11 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Sơn

Nguyễn Thị Hương Huyền

Nguyễn Sinh Quyền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Từ 01/01/2014 đến 17/4/2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 17/4/2014
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		30.218.654.417
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(73.086.060.062)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.786.932.787)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04		(2.623.455.624)
5.	Tiền chi nộp thuế TNDN	05		(20.938.147)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		43.500.000.000
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(333.682.610)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(4.132.414.813)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(3.357.850.117)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		584.746
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.357.265.371)

CÔNG TY TNHH MTV G.HOME
(NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME)
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 17/4/2014
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		62.275.493.961
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(51.480.146.137)
5.	Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		10.795.347.824
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		3.305.667.640
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		529.559.334
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		3.835.226.974

Vĩnh Phúc, ngày 12 tháng 11 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Sơn

Nguyễn Thị Hương Huyền

Nguyễn Sinh Quyền

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 17/4/2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty TNHH MTV, ngày 18 tháng 4 năm 2014 chuyển đổi thành Công ty Cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và thương mại.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 17 tháng 4 năm 2014 bao gồm:

- Sản xuất bông tằm, chăn vi tính;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục), sản xuất dệt;
- Mua bán hàng may mặc, mua bán phụ liệu may mặc.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

03. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh. Tại thời điểm cuối kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ kế toán.

02. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

03. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 04 năm
- Phần mềm kế toán	03 năm

04. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị

của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

05. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Chi phí san lấp mặt bằng;
- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chờ phân bổ.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

06. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

07. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

08. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;

CÔNG TY TNHH MTV G.HOME
(NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME)
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	17/4/2014	01/01/2014
- Tiền mặt	1.446.680.209	327.796.351
- Tiền gửi ngân hàng	617.546.765	201.762.983
- Các khoản tương đương tiền	1.771.000.000	-
Cộng	3.835.226.974	529.559.334

02. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	17/4/2014	01/01/2014
- Phải thu khác	2.074.626.339	2.705.625.641
+ Thuế GTGT hàng nhập khẩu chưa được khấu trừ	2.073.922.777	2.363.536.323
+ Các đối tượng khác	703.562	342.089.318
Cộng	2.074.626.339	2.705.625.641

03. Hàng tồn kho

	17/4/2014	01/01/2014
- Nguyên liệu, vật liệu	44.736.538.996	31.431.721.050
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.302.879.741	-
- Thành phẩm	5.356.353.709	6.079.827.367
- Hàng hoá	11.680.631.319	8.541.574.613
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	64.076.403.765	46.053.123.030

04. Tài sản ngắn hạn khác

	17/4/2014	01/01/2014
- Tạm ứng	10.032.604.263	23.585.744.526
Cộng	10.032.604.263	23.585.744.526

CÔNG TY TNHH MTV G.HOME
(NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME)
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>16.814.825.559</i>	<i>55.671.554.058</i>	<i>3.055.619.998</i>	<i>75.541.999.615</i>
- Mua trong kỳ	-	2.340.292.000	-	2.340.292.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>16.814.825.559</i>	<i>58.011.846.058</i>	<i>3.055.619.998</i>	<i>77.882.291.615</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>1.878.748.947</i>	<i>11.469.672.564</i>	<i>381.277.454</i>	<i>13.729.698.965</i>
- Khấu hao trong kỳ	224.633.325	1.940.136.160	130.955.144	2.295.724.629
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>2.103.382.272</i>	<i>13.409.808.724</i>	<i>512.232.598</i>	<i>16.025.423.594</i>
III. Giá trị còn lại				
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>14.936.076.612</i>	<i>44.201.881.494</i>	<i>2.674.342.544</i>	<i>61.812.300.650</i>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>14.711.443.287</i>	<i>44.602.037.334</i>	<i>2.543.387.400</i>	<i>61.856.868.021</i>

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 58.313.319.019 VND và 48.315.854.181 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn và dài hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Hội sở chính và Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Thành Công.

CÔNG TY TNHH MTV G.HOME
(NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME)
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
<i>Số dư đầu năm</i>	48.554.000	48.554.000
- Mua trong kỳ	-	-
- Tăng khác	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	48.554.000	48.554.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	15.077.322	15.077.322
- Khấu hao trong kỳ	5.021.503	5.021.503
- Tăng khác	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	20.098.825	20.098.825
III. Giá trị còn lại		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	33.476.678	33.476.678
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	28.455.175	28.455.175

07. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	17/4/2014	01/01/2014
Bao gồm các công trình:		
- Công trình đường bê tông, nhà ăn	1.537.120.120	1.079.233.189
- Công trình nhà xưởng may 2 tầng	2.520.274.083	1.960.602.897
Cộng	4.057.394.203	3.039.836.086

08. Chi phí trả trước dài hạn

	17/4/2014	01/01/2014
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	4.904.575.868	341.353.556
- Chi phí san lấp mặt bằng	2.488.027.642	2.504.547.328
Cộng	7.392.603.510	2.845.900.884

CÔNG TY TNHH MTV G.HOME
(NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME)
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>17/4/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Vay ngắn hạn	74.917.227.710	69.967.552.935
- <i>Vay ngân hàng</i>	<i>74.917.227.710</i>	<i>69.967.552.935</i>
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thành Công ^(a)	25.078.852.522	19.987.518.180
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Hội sở chính ^(b)	49.838.375.188	49.980.034.755
Cộng	<u>74.917.227.710</u>	<u>69.967.552.935</u>

(a) Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 33.12.058.946980.TD ngày 21 tháng 5 năm 2012 và hợp đồng tín dụng số 22.13.058.946980.TD ngày 24 tháng 5 năm 2013 để bổ sung vốn lưu động. Lãi suất được quy định chi tiết tại các khế ước nhận nợ được ký giữa ngân hàng và Công ty.

(b) Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 130402/HĐCTD.SGD.NHNT ngày 14/11/2013 để bổ sung vốn lưu động. Lãi suất 9%/năm.

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>17/4/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
- Thuế giá trị gia tăng bán ra trong nước	-	-
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	2.073.922.777	2.000.085.387
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	330.247.169	351.185.316
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	11.224.000	-
Cộng	<u>2.415.393.946</u>	<u>2.351.270.703</u>

11. Chi phí phải trả

	<u>17/4/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
- Chi phí lãi vay	790.617.305	-
Cộng	<u>790.617.305</u>	<u>-</u>

12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>17/4/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
- Bảo hiểm xã hội	310.509.531	168.468.984
- Phải trả phải nộp khác	30.033.256.475	-
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn G.HOME (*)	20.000.000.000	-
+ Ông Nguyễn Sinh Quyền (*)	3.300.000.000	-
+ Bà Trần Thị Kiều Nga (*)	3.300.000.000	-
+ Ông Nguyễn Hách (*)	3.400.000.000	-
+ Các đối tượng	33.256.475	-
Cộng	<u>30.343.766.006</u>	<u>168.468.984</u>

(*): Là khoản góp vốn của các Cổ đông vào Công ty Cổ phần theo Biên bản họp Hội đồng Cổ đông sáng lập ngày 02 tháng 01 năm 2014 nhưng chưa làm thủ tục chuyển đổi sang Công ty Cổ phần.

CÔNG TY TNHH MTV G.HOME
(NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME)
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Vay và nợ dài hạn

	17/4/2014	01/01/2014
Vay dài hạn	48.838.845.583	42.993.172.534
- <i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	<i>48.838.845.583</i>	<i>42.993.172.534</i>
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thành Công (VND) ^(a)	3.828.738.401	1.644.441.000
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thành Công (USD) ^(b)	4.591.821.000	4.946.211.200
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Hội sở chính ^(c)	40.418.286.182	36.402.520.334
Cộng	48.838.845.583	42.993.172.534

Chi tiết vay theo nguyên tệ

	17/4/2014	01/01/2014
- USD	217.880	234.640
+ <i>Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Thành Công</i>	<i>217.880</i>	<i>234.640</i>

- (a) Là khoản vay VND theo hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 76.12.058.946980.TD ngày 05/10/2012 để thanh toán một phần LC cho BUKYUNG và thanh toán một phần tiền mua 1 xe tải thùng nhãn hiệu THACO-TMB. Lãi suất từ 16,8 - 17%/năm.
- (b) Là khoản vay USD theo hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 33.12.058.946980.TD ngày 27/4/2012 và hợp đồng số 34.12.058.946980.TD ngày 16/5/2012 để thanh toán một phần hợp đồng nhập khẩu dây chuyền sản xuất đệm bông ép do Hàn Quốc sản xuất. Lãi suất 9%/năm.
- (c) Là khoản vay theo các hợp đồng tín dụng số 01G.HOME/2010/ĐTDA-SGD ngày 24/5/2010, số 02/TH-2013/MTV/GHOMÉ-KH ngày 20/9/2013 và số 01.2013/MTV/GHOMÉ-KH ngày 11/3/2013 để đầu tư dự án xây dựng nhà máy sản xuất đệm lò xo bông tằm, nhập khẩu máy móc và mua ô tô. Lãi suất từ 8,8%/năm đến 11,1%/năm.

14. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	26.529.476.702	(2.600.659.092)	23.928.817.610
Tăng vốn trong năm trước	9.470.523.298	-	9.470.523.298
Lợi nhuận trong năm trước	-	1.126.819.114	1.126.819.114
Tăng khác	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm trước	36.000.000.000	(1.473.839.978)	34.526.160.022
Số dư đầu năm nay	36.000.000.000	(1.473.839.978)	34.526.160.022
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	(1.738.448.689)	(1.738.448.689)
Tăng khác	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối kỳ	36.000.000.000	(3.212.288.667)	32.787.711.333

CÔNG TY TNHH MTV G.HOME
(NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME)
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>17/4/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
- Vốn góp của Nhà nước	-	-
- Vốn góp của các đối tượng khác	36.000.000.000	36.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn G.HOME	36.000.000.000	36.000.000.000
Cộng	<u>36.000.000.000</u>	<u>36.000.000.000</u>

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận

	<u>Kỳ này</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
+ Vốn góp đầu năm	36.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-
+ Vốn góp cuối kỳ	36.000.000.000
- Lợi nhuận đã chia	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Từ 01/01/2014 đến 17/4/2014</u>
- Doanh thu bán hàng hóa	5.712.655.949
- Doanh thu bán thành phẩm	40.341.569.251
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	332.564.756
Cộng	<u>46.386.789.956</u>

02. Giá vốn hàng bán

	<u>Từ 01/01/2014 đến 17/4/2014</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	5.422.018.307
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	37.903.317.869
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	26.624.889
Cộng	<u>43.351.961.065</u>

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Từ 01/01/2014 đến 17/4/2014</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	584.746
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	22.171.833
Cộng	<u>22.756.579</u>

Đơn vị tính: VND

04. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2014 đến 17/4/2014
- Lãi tiền vay	3.414.072.929
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.634.259
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-
Cộng	3.420.707.188

05. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2014 đến 17/4/2014
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	35.331.774.899
- Chi phí nhân công	2.334.605.955
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.300.746.132
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	392.580.826
- Chi phí khác bằng tiền	511.564.822
Cộng	40.871.272.634

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc, phụ trách kế toán, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân.

Thu nhập của Giám đốc và phụ trách kế toán như sau:

	Từ 01/01/2014 đến 17/4/2014
Tiền lương	44.683.200
Cộng	25.758.467

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn G.HOME	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV dệt và nội thất G.HOME	Công ty có cùng công ty mẹ

CÔNG TY TNHH MTV G.HOME
(NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME)
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Đơn vị tính: VND
Từ 01/01/2014
đến 17/4/2014

Công ty TNHH MTV dệt và nội thất G.HOME

- Bán hàng	745.405.000
- Mua hàng hóa	13.523.642.880

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>17/4/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn G.HOME		
+ Phải thu của khách hàng	8.206.820.983	9.521.820.983
Công nợ phải thu	<u>8.206.820.983</u>	<u>9.521.820.983</u>

Công ty TNHH MTV dệt và nội thất G.HOME

+ Phải trả cho người bán	8.262.174.440	3.558.725.150
--------------------------	---------------	---------------

Công ty Cổ phần Tập đoàn G.HOME

+ Phải trả, phải nộp khác	20.000.000.000	-
---------------------------	----------------	---

Cộng nợ phải trả	<u>28.262.174.440</u>	<u>3.558.725.150</u>
-------------------------	------------------------------	-----------------------------

02. Thông tin về bộ phận

Lĩnh vực kinh doanh:

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Sản xuất bông, dệt, chăn
- Lĩnh vực 2: Kinh doanh bông, dệt, ruột chăn, ruột gối và cho thuê nhà xưởng, máy móc

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY TNHH MTV G.HOME
(NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME)
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Sản xuất	Thương mại và dịch vụ	<i>Đơn vị tính: VND</i> Cộng
Kỳ này			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	40.341.569.251	6.045.220.705	46.386.789.956
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
- Chi phí phân bổ	42.042.875.769	6.068.959.698	48.111.835.467
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(1.701.306.518)	(23.738.993)	(1.725.045.511)
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	7.555.514.466	655.648.695	8.211.163.161
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.239.164.717	29.089.998	2.268.254.715
Số dư cuối kỳ			
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	226.879.214.696	14.554.046.553	241.433.261.249
- Tài sản không phân bổ			3.835.226.974
Tổng tài sản	226.879.214.696	14.554.046.553	245.268.488.223
- Nợ phải trả bộ phận	208.140.162.734	4.340.614.156	212.480.776.890
- Nợ phải trả không phân bổ			-
Tổng nợ phải trả	208.140.162.734	4.340.614.156	212.480.776.890

CÔNG TY TNHH MTV G.HOME
(NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME)
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.835.226.974	-	529.559.334	-	3.835.226.974	529.559.334
Phải thu khách hàng và phải thu khác	66.478.314.780	-	54.841.245.020	-	66.478.314.780	54.841.245.020
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	70.313.541.754	-	55.370.804.354	-	70.313.541.754	55.370.804.354
	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý			
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm		
Nợ phải trả tài chính						
Phải trả cho người bán	38.874.690.061	37.440.117.631	38.874.690.061	37.440.117.631		
Vay và nợ	123.756.073.293	112.960.725.469	123.756.073.293	112.960.725.469		
Chi phí phải trả	790.617.305	-	790.617.305	-		
Các khoản phải trả khác	30.033.256.475	-	30.033.256.475	-		
Cộng	193.454.637.134	150.400.843.100	193.454.637.134	150.400.843.100		

04. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

05. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Đơn vị tính: VND

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả cho người bán	38.874.690.061	-	-	38.874.690.061
Vay và nợ	74.917.227.710	48.838.845.583	-	123.756.073.293
Chi phí phải trả	790.617.305	-	-	790.617.305
Các khoản phải trả khác	30.033.256.475	-	-	30.033.256.475
Cộng	144.615.791.551	48.838.845.583	-	193.454.637.134
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	37.440.117.631	-	-	37.440.117.631
Vay và nợ	69.967.552.935	42.993.172.534	-	112.960.725.469
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	-	-	-	-
Cộng	107.407.670.566	42.993.172.534	-	150.400.843.100

06. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

07. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt, không có số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ do năm 2013 Công ty không lập Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 17 tháng 4 năm 2013.

Theo Giấy đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 04 ngày 18 tháng 4 năm 2014 Công ty chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV G.Home thành Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt may G.Home và tăng vốn điều lệ từ 36.000.000.000 đồng lên 66.000.000.000 đồng.

08. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Vĩnh Phúc, ngày 12 tháng 11 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Sơn

Nguyễn Thị Hương Huyền

Nguyễn Sinh Quyền